

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/KDTM-PT

Ngày 11/3/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh

Bà Đỗ Thị Thuý Năng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:* Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 48/2024/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số: 34/2024/KDTM-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 69/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV Q1 của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (*Tên giao dịch: V*); Địa chỉ cũ: B H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ mới: 300 phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Toà án: ông Trần Xuân P, chức danh: Chuyên viên cao cấp xử lý nợ Ngân hàng TMCP A, địa chỉ: B đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Hợp đồng uỷ quyền số 353/2023/UQ.VAMC-ABBANK ngày 07/8/2023 và số 770/2023/UQ.VAMC-ABBANK ngày 23/10/2023 của VAMC với Ngân hàng TMCP A; Giấy uỷ quyền số 24/UQ-HĐQT.24 của ông Đào Mạnh K, Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TMCP A và Giấy uỷ quyền lại số 08/UQ-TGĐ.25 ngày 07/01/2025 của Trưởng Ban xử lý nợ của Ngân hàng TMCP A. (Ông P có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn:

+ Công ty TNHH T; Địa chỉ: Số D đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Cẩm H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Bà Phạm Thị Như Q, sinh năm 1997, địa chỉ: Số B đường M, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền của bà Đặng Thị Cẩm H, Giám đốc Công ty TNHH T được công chứng ngày 08/01/2025. (Bà Q có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T: Luật sư Trương Công Nguyễn Anh P1, sinh năm 1972, thẻ luật sư số 676/LS, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, Trưởng Văn phòng Luật sư P1 và cộng sự, địa chỉ: Số F đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

+ Công ty TNHH X; Địa chỉ: B đường P, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang N - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X: Luật sư Trương Công Nguyễn Anh P1, sinh năm 1972, thẻ luật sư số 676/LS, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, Trưởng Văn phòng Luật sư P1 và cộng sự, địa chỉ: Số F đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1982; Địa chỉ: B đường P, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

+ Ông Đào Quang N, sinh năm 1981. Địa chỉ: B đường P, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cẩm H và ông Quang N: Luật sư Trương Công Nguyễn Anh P1, sinh năm 1972, thẻ luật sư số 676/LS, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, Trưởng Văn phòng Luật sư P1 và cộng sự, địa chỉ: Số F đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

4. Người kháng cáo:

+ Công ty TNHH T - Bị đơn.

+ Công ty TNHH X- Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29/11/2023 và quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn VAMC trình bày:

1) Ngày 20/4/2022, Ngân hàng TMCP A cùng Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 5203/22/TD-TT/VI.7, cụ thể

như sau:

- Tổng hạn mức cho vay tối đa: 12.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ vốn lưu động phục vụ kinh doanh;
- Thời hạn hiệu lực rút vốn: 12 tháng, từ 20/4/2022 đến 20/4/2023;
- Lãi suất trong hạn: quy định trong từng Giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;
- Hiện nay, tổng dư nợ của Công ty T tính đến hết ngày 05/9/2024 là 15.274.229.411 đồng, bao gồm: + Nợ gốc: 11.998.700.000 đồng;
+ Nợ lãi: 3.275.529.411 đồng.
- Số ngày quá hạn: 237 ngày, nợ nhóm 4.

2) Ngày 12/5/2022, Ngân hàng TMCP A cùng Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 6543/22/TD-TT/VI.7, cụ thể như sau:

- Tổng hạn mức cho vay tối đa: 7.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn hiệu lực rút vốn: 12 tháng, từ 12/5/2022 đến 12/5/2023;
- Lãi suất trong hạn: quy định trong từng Giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;
- Hiện nay, tổng dư nợ của Công ty S đến hết ngày 05/9/2024 là 8.747.559.350 đồng, bao gồm:
+ Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng;
+ Nợ lãi: 1.747.559.350 đồng.
- Số ngày quá hạn: 206 ngày, nợ nhóm 4.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên của Công ty T và Công ty X, ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H đã ký với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp các tài sản gồm:

- Bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T:
+ Hợp đồng thế chấp số 4301/22/TC-TT/VI.7, số công chứng 1073, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2022 để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-01, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733752, số vào sổ cấp GCN: CT 15526 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022. Tài sản thế chấp đã được hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Nam ngày 20/4/2022.

- + Hợp đồng thế chấp số 4325/22/TC-TT/VI.7, số công chứng 1074, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2022 để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-02, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu

đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733753, sổ vào sổ cấp GCN: CT 15527 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022. Tài sản thế chấp đã được hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Nam ngày 20/4/2022.

- Bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty X:

+ Hợp đồng thế chấp số 5544/22/TC-TT/VI.7 (nghĩa vụ 2), số công chứng 1351, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/5/2022 để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-02, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733753, sổ vào sổ cấp GCN: CT 15527 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022. Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty X cùng được bảo đảm cho khoản vay của Công ty T. Tài sản thế chấp đã được hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Nam ngày 12/5/2022.

Trong quá trình vay vốn, khoản vay của Công ty T và Công ty X đã phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần làm việc đề nghị khách hàng trả nợ vay. Tuy nhiên, cả Công ty T và Công ty X đều không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và vi phạm các cam kết trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngày 07/8/2023, Ngân hàng đã bán khoản nợ của Công ty T cho Công ty TNHH MTV Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam (gọi tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 352/2023/MBN.VAMC-ABBANK. Do đó, kể từ ngày 07/8/2023 khoản nợ của Công ty T tại Ngân hàng thuộc sở hữu của VAMC, đồng thời VAMC cũng đã ủy quyền cho Ngân hàng theo Hợp đồng ủy quyền số 353/2023/UQ.VAMC-ABBANK ngày 07/8/2023 để Ngân hàng thay mặt VAMC thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của VAMC trong việc thu hồi nợ và xử lý tài sản bảo đảm đối với khoản nợ của Công ty T.

Ngày 23/10/2023, Ngân hàng đã bán khoản nợ của Công ty X cho VAMC theo Hợp đồng mua bán nợ số 769/2023/MBN.VAMC-ABBANK. Do đó, kể từ ngày 23/10/2023 khoản nợ của Công ty X tại Ngân hàng thuộc sở hữu của VAMC, đồng thời VAMC cũng đã ủy quyền cho Ngân hàng theo Hợp đồng ủy quyền số 770/2023/UQ.VAMC-ABBANK ngày 23/10/2023 để Ngân hàng thay mặt VAMC thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của VAMC trong việc thu hồi nợ và xử lý tài sản bảo đảm đối với khoản nợ của Công ty X.

Do đó, V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Đối với Công ty T:

- Buộc Công ty T phải thanh toán cho VAMC tổng số tiền còn nợ tính đến hết

ngày 05/9/2024 là 15.274.229.411 đồng, bao gồm:

+ Nợ gốc: 11.998.700.000 đồng;

+ Nợ lãi: 3.275.529.411 đồng.

- Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho VAMC số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/9/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

- Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty T không trả được nợ thì VAMC có quyền phát mại, xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-01, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733752, sổ vào sổ cấp GCN: CT 15526 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-02, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733753, sổ vào sổ cấp GCN: CT 15527 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022 để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty T tại V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì VAMC có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên phát mại tài sản khác của Công ty T để thu hồi nợ.

Đối với Công ty X:

- Buộc Công ty X phải thanh toán cho V tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 07/11/2023 là 7.544.587.293 đồng, bao gồm:

+ Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 544.587.293 đồng.

- Buộc Công ty X phải có nghĩa vụ trả cho VAMC số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 08/11/2023 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

- Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty X không trả được nợ thì VAMC có quyền phát mại, xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-02, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733753, sổ vào sổ cấp GCN: CT 15527 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng

ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022 để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty X tại VAMC. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì VAMC có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên phát mại tài sản khác của Công ty X để thu hồi nợ.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số: 34/2024/KDTM-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 299, 303, 307, 320, 323; 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với Công ty TNHH T và Công ty TNHH X.

1.1 Buộc với Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là 15.274.229.411đ (Mười lăm tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm mười một đồng); Trong đó nợ gốc: 11.998.700.000đ và nợ lãi: 3.275.529.411đ.

Kể từ ngày 06/9/2024, Công ty TNHH T còn phải chịu số tiền lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 5203/22/TD-TT/VI.7 ngày 20/4/2022 mà Công ty TNHH T ký với Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam thì Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-01, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733752, sổ vào sổ cấp GCN: CT 15526 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022. Tài sản này đã được thế chấp cho Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Đ1- Phòng G theo Hợp đồng thế chấp số 4301/22/TC-TT/VI.7, số công chứng 1073, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2022 và được hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng

Nam ngày 20/4/2022 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: E3-02, tờ bản đồ số: 00, địa chỉ: Khu đô thị G (S), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 733753, số vào sổ cấp GCN: CT 15527 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25/5/2017 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13/4/2022. Tài sản này đã được thế chấp cho Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Đ1- Phòng G theo Hợp đồng thế chấp số 4325/22/TC-TT/VI.7, số công chứng 001074, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2022 và được hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Nam ngày 20/4/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

1.2 Buộc với Công ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là 8.747.559.350đ (Tám tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi chín ngàn ba trăm năm mươi đồng); Trong đó nợ gốc: 7.000.000.000đ, nợ lãi 1.747.559.350đ.

Kể từ ngày 06/9/2024, Công ty TNHH X còn phải chịu số tiền lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 6543/22/TD-TT/VI.7 ngày 12/5/2022 mà Công ty TNHH X ký với Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp Công ty TNHH X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam thì Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số E3-02, tờ bản đồ số 00, địa chỉ tại: Khu đô thị G (S2), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 733753 do UBND tỉnh Q cấp ngày 25.5.2017 số vào sổ cấp GCN số CT 15527 cho Công ty TNHH S1, đăng ký sang tên cho ông Đào Quang N và bà Đặng Thị Cẩm H ngày 13.4.2022). Tài sản này đã được thế chấp cho Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Đ1- Phòng G theo Hợp đồng thế chấp số 5544/22/TC-TT/VI.7 ngày 12/5/2022, đã được công chứng tại Văn phòng C ngày 12/5/2022, số công chứng 1351; đã đăng ký thế chấp tại CN Văn phòng đăng ký đất đai Điện Bàn ngày 12/5/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

2. Ân phí và chi phí tố tụng khác:

- Ân phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 123.274.229đ (Một trăm hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi chín đồng) Công ty TNHH T phải chịu.

- Ân phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 112.747.559đ (Một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi chín đồng) Công ty TNHH X phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 64.498.017đ (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn không trăm mười bảy đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0000042 ngày 21/12/2023.

- Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng, Công ty TNHH T và Công ty TNHH X mỗi công ty phải chịu 4.000.000 đồng. Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã tạm ứng 8.000.000 đồng nên Công ty TNHH T và Công ty TNHH X mỗi Công ty phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 02/10/2024, bị đơn là Công ty TNHH T (gọi tắt Công ty T) và Công ty TNHH X (gọi tắt Công ty X) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, Công ty T và Công ty X nêu cụ thể yêu cầu kháng cáo là: Kháng cáo phần lãi, phía bị đơn cho rằng: Ngân hàng đã áp dụng mức tính lãi quá hạn không đúng theo thoả thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng hạn mức. Theo đó, mức lãi suất quá hạn là 50% lãi suất trong hạn, chứ không phải 150% theo như đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của đồng bị đơn. Các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân quận hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, đồng bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Công ty T và Công ty X cùng vay của Ngân hàng A và cùng thế chấp bất động sản để bảo đảm nợ vay của 02 Công ty. Do bên vay chuyển nợ xấu nhóm 4 nên Ngân hàng TMCP A1 khoản nợ vay cho Công ty TNHH MTV Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam (V), đồng thời VAMC uỷ quyền cho Ngân hàng TMCP A khởi kiện để thu hồi nợ nên V trở thành nguyên đơn có quyền đòi nợ đối với Công ty T và Công ty X là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 365 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty T và Công ty X cho rằng cách tính lãi của nguyên đơn là không phù hợp với thoả thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 3 về lãi suất, phí, phạt của Hợp đồng cho vay hạn mức có quy định:

“1. Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong từng giấy nhận nợ. 2. Điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn:...3. Lãi suất quá hạn: Khi bên vay không trả nợ gốc đúng hạn, ngoài khoản tiền lãi vay trong hạn phải trả, bên vay phải chịu *thêm* khoản tiền lãi quá hạn được tính như sau: Tiền lãi quá hạn = số dư nợ gốc bị quá hạn x 50% lãi suất cho vay trong hạn x số ngày quá hạn. (Để tránh hiểu nhầm các bên thống nhất: Trong trường hợp điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo khoản 2 Điều này thì lãi suất cho vay trong hạn được hiểu là lãi suất sau khi được điều chỉnh). 4. Lãi chậm trả đối với khoản vay không trả đúng hạn được tính bằng: Số dư nợ lãi bị quá hạn x số ngày quá hạn x 10%/năm : 365. 5. Tổng số tiền lãi phải trả đối với khoản vay không trả đúng hạn = tiền lãi trong hạn + tiền lãi quá hạn + Lãi chậm trả đối với khoản vay không trả đúng hạn....”.

Như vậy, theo thoả thuận của hợp đồng, ngoài tiền nợ gốc phải trả, bên vay còn phải trả thêm 03 khoản lãi gồm: Lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn và lãi chậm trả đối khoản vay không trả đúng hạn. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu trả lãi chậm trả, chỉ yêu cầu bị đơn trả 02 khoản lãi gồm: Lãi trong hạn và lãi quá hạn. Đối với 02 khoản lãi này được hiểu như sau:

- Giai đoạn trong hạn, bên vay phải trả lãi theo mức lãi suất biến động của từng giấy nhận nợ từ thời điểm nhận nợ đến thời điểm đến hạn của hợp đồng vay.

- Giai đoạn quá hạn, bên vay vẫn phải tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn theo mức lãi suất bằng 50% lãi vay trong hạn.

Để làm rõ về khoản tiền lãi trong hạn, tại điểm e khoản 2 Điều 5 về thu nợ gốc, lãi của Hợp đồng cho vay hạn mức có quy định:

“e) *Tiền lãi trong hạn của một Giấy nhận nợ được tính trên số dư nợ vay thực tế nhân (x) với số ngày vay thực tế nhân (x) với lãi suất cho vay trong hạn tính theo năm chia (:) 365*”.

Điều đó được hiểu là, tiền lãi vay trong hạn được tính xuyên suốt từ ngày giải ngân đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ tiền vay, nên giai đoạn quá hạn vẫn tính 100% lãi trong hạn cộng (+) 50% lãi quá hạn = 150%.

[4] Do đó, cách hiểu bị đơn khi tính lãi quá hạn thì mức lãi suất chỉ bằng 50% lãi suất trong hạn là không đúng. Theo cách hiểu này của bị đơn, bên vay sẽ không bao giờ trả lãi trong hạn mà đợi quá hạn sẽ áp dụng mức lãi suất bằng một nửa (1/2) lãi suất trong hạn là không phù hợp, mâu thuẫn với khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự và Hợp đồng tín dụng giữa các bên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Việc tính lãi của nguyên đơn dựa trên Hợp đồng tín dụng hạn mức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử quyết định giữ nguyên Bản án sơ thẩm, buộc Công ty T phải trả cho VAMC khoản nợ vay gốc là 11.998.700.000đ, tiền lãi phát sinh đến ngày 05/9/2024 là 3.275.529.411đ, tổng cộng là 15.274.229.411đ. Buộc với Công ty X phải trả cho VAMC số tiền nợ vay gốc là 7.000.000.000đ, nợ lãi phát sinh đến ngày 05/9/2024 là 1.747.559.350đ, tổng cộng là 8.747.559.350đ.

[6] Về tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay, bị đơn không kháng cáo nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì VAMC có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ cho VAMC là có căn cứ pháp luật.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên bị đơn Công ty T và Công ty X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T và Công ty TNHH X.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH T phải chịu án phí 2.000.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí các bị đơn đã nộp tại biên lai thu số 0004511 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng. Công ty TNHH T đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền án phí phúc thẩm.

- Công ty TNHH X phải chịu án phí 2.000.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí các bị đơn đã nộp tại biên lai thu số 0004512 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng. Công ty TNHH X đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền án phí phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND TP Đà Nẵng;*
- *TAND quận Hải Châu, Đà Nẵng;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu ĐN;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo